

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KẾT LUẬN CỦA LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ QUYẾT

Lê Thị Phương Chi\*

Trường Đại học Khánh Hoà

## Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/09/2023

Ngày phản biện: 28/09/2023

Ngày duyệt đăng: 15/03/2024

\* Tác giả chính:

lethiphuongchi@ukh.edu.vn

## Title:

*Some issues about the conclusion of the argument in the resolution*

## Từ khóa:

*kết luận, lập luận, nghị quyết, văn bản.*

## Keywords:

*conclusions, arguments, resolutions, documents.*

**TÓM TẮT:** Văn bản hành chính đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong mọi hoạt động tổ chức, điều hành, quản lý của Nhà nước. Đó đó, trong mỗi văn bản hành chính có những quy định chặt chẽ về nội dung và thể thức trình bày cũng như sự quản lý, ban hành, lưu trữ các văn bản sao cho phù hợp... Vì vậy cách lập luận như thế nào để đạt được giá trị cao nhất trong nội dung thể hiện của một văn bản hành chính là rất quan trọng. Trên cơ sở trình bày lý thuyết về lập luận, bài viết tập trung làm rõ những mô hình của kết luận, vị trí và vai trò của kết luận trong 20 văn bản nghị quyết tiếng Việt thể hiện vai trò điều hành, quản lý của các tổ chức, đơn vị.

**ABSTRACT:** Administrative documents play an extremely important role in all organizational, organizational, administrative and management activities of each state. Therefore, in each administrative document there are strict regulations on content and presentation format as well as appropriate management, promulgation, and storage of documents... So how to reason? To achieve the highest value in the content of an administrative document is very important. Based on the theoretical presentation of arguments, the article focuses on clarifying the models of conclusions, the position and role of conclusions in 20 Vietnamese resolution documents demonstrating the executive and management role of the Government, organizations and unit.

## 1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Trong cuộc sống, con người luôn luôn cần dùng đến lập luận để giải thích, để chứng minh, để thuyết phục người khác tin vào điều gì đó và cũng có thể lập luận để bác bỏ một điều gì đó. Lập luận giúp các đối tượng giao tiếp thấu hiểu lẫn nhau, tránh được những thông tin sai lệch, giúp khẳng định những ý kiến và quan điểm đúng đắn. Qua lập luận, có thể hiểu được năng lực tư duy logic, năng lực ngôn ngữ của mỗi người, và năng lực này

càng quan trọng đối với những người công tác trong lĩnh vực hành chính.

Theo Đỗ Hữu Châu, “Lập luận là đưa ra những lý lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đó mà người nói muốn đạt tới”. [5; 155]

Ví dụ có một phát ngôn “Hôm nay chúng mình được nghỉ học”. Nếu chỉ dừng lại ở đây thì câu này đơn thuần là câu trần thuật, chưa bày tỏ điều gì cả; nhưng nếu ta thêm vào: “(với lại) Tớ vừa nhận học bổng. (Nên) Chiều nay 15h chúng mình sẽ đi xem phim”. Như

vậy, phát ngôn tiếp theo người viết đã cố ý đưa vào những lí lẽ phù hợp để dẫn đến kết luận *“chiều nay chúng mình sẽ đi xem phim”*. Và như vậy, phát ngôn: *“Hôm nay chúng mình được nghỉ học. Với lại tớ vừa nhận học bổng, nên chiều nay 15h chúng mình sẽ đi xem phim”* là một lập luận.

Qua đây ta có thể hiểu một cách khái quát lập luận là một hành động ngôn từ mà người nói (viết) đưa ra những lí lẽ nhằm thuyết phục người nghe đi đến một kết luận hay đồng tình với một kết luận nào đó mà người nói (viết) muốn hướng tới. Có thể nói kết luận chính là linh hồn, là yếu tố cần hướng đến để thực hiện của một lập luận.

## **2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

#### **2.1.1. Khái quát về văn bản nghị quyết**

Nghị quyết là một hình thức văn bản quản lý nhà nước dùng để ghi lại một cách chính xác những kết luận và quyết định của hội nghị tập thể, được thông qua tại cuộc họp về đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch hoặc các vấn đề cụ thể, có tính lãnh đạo, chỉ đạo.

Ví dụ: *Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Nghị quyết các phiên họp thường kỳ của chính phủ, nghị quyết của các kỳ họp Quốc hội nhằm thông qua của Đảng và Nhà nước, nghị quyết, tại các cuộc họp của các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể...*

#### **2.1.2. Kết luận của lập luận**

Một lập luận không thể thiếu các thành phần cơ bản như: luận cứ, kết luận, tác tổ, kết tổ lập luận. *“Kết luận là một hành động, một ý niệm mà người nói thông qua diễn ngôn, muốn dẫn dắt người nghe hướng tới thực hiện nó hay chấp nhận nó.”* [7; 136]

Trong một lập luận bao giờ cũng có luận cứ và kết luận, kết luận được suy ra từ luận cứ thì mới được gọi là kết luận của lập luận. Kết luận có cương vị không giống với luận cứ, luận cứ như thế nào thì sẽ dẫn đến kết luận như thế đó, kết luận phụ thuộc vào luận cứ.

Ví dụ: *Cái máy may này cũ nhưng rẻ (nên mua).* (1)

*Cái máy may này rẻ nhưng cũ (không nên mua)* (2)

Qua ví dụ trên ta thấy đã có hai kết luận hoàn toàn khác nhau, (1) “nên mua” và (2) “không nên mua”, nguyên nhân là do sự sắp xếp của luận cứ có sự thay đổi. Như vậy, do có sự khác nhau của các luận cứ nên dẫn đến kết luận cũng thay đổi phụ thuộc vào luận cứ.

Kết luận trong lập luận phụ thuộc vào luận cứ, tuy nhiên không phải luận cứ nào cũng dẫn đến kết luận, do đó, chỉ những luận cứ có khả năng hướng đến một kết luận nào đó thì sẽ trở thành điều kiện của kết luận trong lập luận.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp thống kê, phân loại để rút ra được tần số xuất hiện các cách thức lập luận trong văn bản hành chính tiếng Việt (cụ thể trong các nghị quyết).

Phương pháp phân tích tổng hợp, miêu tả, so sánh: trên cơ sở các ngữ liệu thu thập được thông qua khảo sát thực tế các văn bản, chúng tôi sẽ phân tích, xem xét, nghiên cứu cấu trúc lập luận, những yếu tố trong cấu trúc lập luận và quan hệ lập luận trong văn bản hành chính tiếng Việt. Căn cứ vào sự đồng nhất và khác biệt giữa các cứ liệu khảo sát được, chúng tôi sắp xếp chúng một cách có hệ thống theo các nội dung nghiên cứu cụ thể.

## **3. Kết quả và thảo luận**

### **3.1. Mô hình cấu tạo của kết luận trong văn bản nghị quyết**

Trên cơ sở phân tích, khảo sát các thành phần trong nghị quyết, chúng tôi thấy rằng trong 20 nghị quyết mà chúng tôi lựa chọn để

khảo sát thì không có nghị quyết nào thiếu vắng kết luận và cấu tạo của kết luận trong nghị quyết nổi bật lên các dạng cơ bản như sau:

*3.1.1. Mô hình: giao cho A triển khai thực hiện B*

a. Mô hình này có 10/20 nghị quyết, chiếm 50% trong mô hình của nghị quyết.

Ví dụ:

*- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo nghị quyết hội đồng nhân dân đã thông qua; đồng thời tiến hành triển khai kế hoạch theo chức năng thẩm quyền. Quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân điều hành bổ sung một số quy định quy hoạch cần thiết, nhưng phải đảm bảo theo đúng quan điểm và mục tiêu, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.*

*- Giao Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát đôn đốc việc thực hiện quy hoạch. Cuối mỗi kỳ có kế hoạch tổ chức đánh giá tình thực hiện để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đạt mục tiêu đề ra”. [Trích Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 25/4/2015 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 -2020 và tầm nhìn đến 2023]*

Đây là mô hình khá phổ biến trong kết luận của văn bản nghị quyết, mô hình này thể hiện tính mệnh lệnh là một trong những đặc trưng cơ bản của nghị quyết.

*3.1.2. Mô hình: A phải thực hiện B*

Mô hình kết luận này có 8/20 nghị quyết, chiếm 40% trong mô hình kết luận của nghị quyết

Ví dụ:

*“Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng bộ với các nghị quyết khác của Đảng trên toàn địa bàn nông thôn”* [Trích nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.]

Với đặc trưng của văn bản nghị quyết, mô hình *A phải thực hiện B* cũng là một mô hình khá phổ biến mang tính chỉ đạo cao, tác dụng của mô hình này là thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo của cơ quan ban hành văn bản, các cơ quan tiếp nhận văn bản phải triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung trong quyết nghị.

*3.1.3. Mô hình: giao cho A cụ thể hóa B*

Mô hình nghị quyết này có 5/20 nghị quyết, chiếm 25% trong mô hình kết luận của nghị quyết.

Ví dụ:

*“Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành luật pháp, chính sách cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện. [Trích nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.]*

Trong các mô hình cấu tạo của kết luận trong văn bản nghị quyết, mô hình *giao cho A cụ thể hóa B* có tần số xuất hiện thấp nhất, tuy nhiên đây là một trong những mô hình quan trọng trong kết luận của nghị quyết thể hiện mục tiêu cần đạt được của nghị quyết.

*3.1.4. Mô hình: A theo dõi, giám sát thực hiện B*

Mô hình kết luận này có 8/20 nghị quyết, chiếm 40% trong mô hình kết luận của nghị quyết.

Ví dụ:

*“Ban cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế.*

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác vận động*

**Bảng một số mô hình cấu tạo của kết luận trong nghị quyết**

| TT | Mô hình cấu tạo của kết luận trong nghị quyết | Tần số xuất hiện | Tỉ lệ % |
|----|-----------------------------------------------|------------------|---------|
| 1  | <i>Giao cho A triển khai thực hiện B</i>      | 10/20            | 50%     |
| 2  | <i>A phải thực hiện B</i>                     | 8/20             | 40%     |
| 3  | <i>Giao cho A cụ thể hóa B</i>                | 5/20             | 25%     |
| 4  | <i>A theo dõi, giám sát thực hiện B</i>       | 8/20             | 40%     |

Qua phân tích các ví dụ và qua bảng thống kê, ta thấy mô hình *giao cho A triển khai thực hiện B* có tần suất xuất hiện nhiều nhất 25/50 văn bản, chiếm tỉ lệ 50%, mô hình *giao cho A cụ thể hóa B* có tần số xuất hiện thấp nhất 5/20 văn bản, chiếm tỉ lệ 25%. Tuy nhiên sự chênh lệch giữa các mô hình là không nhiều, điều này cho thấy việc sử dụng các mô hình kết luận trong văn bản nghị quyết là khá đồng đều, khẳng định tính ổn định trong lựa chọn sử dụng các mô hình của văn bản nghị quyết.

### **3.2. Vị trí và sự hiện diện của kết luận trong văn bản nghị quyết**

#### **3.2.1. Vị trí của kết luận trong văn bản nghị quyết**

Trong phần khảo sát mô hình cấu tạo của lập luận trong văn bản nghị quyết, chúng tôi đã khảo sát được hai mô hình cấu tạo của văn bản nghị quyết đó là: mô hình cấu tạo lập luận có kết luận đứng trước lí lẽ đứng sau và mô hình lập luận có kết luận đứng sau lí lẽ đó. Do

*các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên môi trường và giám sát việc thực hiện Nghị quyết”* [Trích phần kết luận trong Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.]

Mô hình *A theo dõi, giám sát thực hiện B* là mô hình thường thấy trong các loại văn bản hành chính, trong văn bản nghị quyết, mô hình này thể hiện nhiệm vụ của cơ quan thực hiện nghị quyết.

đó khi khảo sát vị trí của kết luận trong lập luận của văn bản nghị quyết, chúng tôi nhận thấy có hai vị trí của kết luận trong lập luận của nghị quyết đó là kết luận có thể đứng ở đầu hoặc cuối văn bản nghị quyết và kết quả này trùng với kết quả khảo sát trong mô hình cấu tạo của lập luận trong nghị quyết: có 2/20 nghị quyết có kết luận đứng đầu chiếm 10% và 18/20 nghị quyết có kết luận đứng cuối, chiếm 90%.

#### **3.2.2. Sự hiện diện của kết luận trong văn bản nghị quyết**

Qua khảo sát, nghiên cứu, điều đầu tiên chúng tôi cần khẳng định đó là tất cả các nghị quyết đều có kết luận tường minh. Vì nghị quyết là thể loại văn bản quản lý nhà nước, thể hiện quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan đoàn thể do đó mỗi kết luận đưa ra đều phải rõ ràng, phải thể hiện đúng quan điểm chỉ đạo và phù hợp với các quy định

chung của Đảng và Nhà nước, đồng thời đảm bảo tính thực thi cao.

Ví dụ: Trong nghị quyết số 02-NQ/TWĐTN, ngày 22/8/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, có phần kết luận như sau:

*“Các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc:*

*Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.*

*Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết ở cơ sở. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Ban Bí thư Trung ương Đoàn.*

*Nghị quyết được phổ biến đến chi đoàn, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn yêu cầu các cấp bộ Đoàn nghiêm túc thực hiện triển khai thực hiện”.*

Phần kết luận của nghị quyết rất rõ ràng, đó là giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị cụ thể đó là: Các tỉnh, thành đoàn trực thuộc phải xây dựng kế hoạch triển khai nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả về Trung ương Đoàn... như vậy phân giao nhiệm vụ rất rõ ràng, thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo của cơ quan ban hành văn bản, từ đó cơ quan thực thi nhiệm vụ phải triển khai thực hiện và cụ thể hóa nghị quyết.

#### **4. Kết luận**

Kết luận trong văn bản nghị quyết là phần rất quan trọng, đây là phần chỉ đạo, phân công trách nhiệm để các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Ví dụ: trong nghị quyết số 87/2014/QH13, ngày 28/11/2014 về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, có đoạn kết luận như sau:

*“Quốc hội yêu cầu Chính phủ tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến tích cực trong phát triển công nghiệp hỗ trợ. Có cơ chế, chính*

*xác đủ mạnh khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế, các loại hình tham gia phát triển công nghiệp hỗ trợ theo cơ chế thị trường; trong đó, chú trọng thúc đẩy phát triển cơ khí chế tạo phục vụ các ngành kinh tế, nhất là phục vụ sản xuất nông nghiệp”.*

Đoạn kết luận này thể hiện rõ trách nhiệm của cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện nghị quyết. Trong đó Quốc hội là cơ quan ban hành văn bản và giao nhiệm vụ cụ thể cho Chính phủ triển khai thực hiện.

Bằng việc vận dụng lí thuyết lập luận vào việc tìm hiểu cấu trúc của kết luận trong văn bản hành chính, bài viết góp phần nâng cao chất lượng của các văn bản hành chính từ góc độ ngôn ngữ học, giúp ích cho những người làm công việc hành chính trong việc tạo ra các văn bản hành chính (qua thể loại văn bản nghị quyết).

---

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Tạ Hữu Ánh, (1996), *Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước*, NXB Lao động.
2. Diệp Quang Ban, (1999), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban, (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Hà Nội.
4. Đỗ Hữu Châu, Đỗ Việt Hùng, (2008), *Giáo trình Ngữ dụng học*, NXB Đại học Sư phạm.
5. Đỗ Hữu Châu, (2010), *Ngôn ngữ học đại cương, tập 2 (Ngữ dụng học)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Đức Dân, (2010), *Ngữ dụng học, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Thế Hùng, (2006), *Lập luận trong ngôn ngữ*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc gia Hà Nội*, 6 (72), 134-138.